...Y ĐẮK LẮK
...ƯỜNG CHÍNH TRỊ
*

ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

DANH SÁCH HỌC VIÊN LỚP TRUNG CẤP LÝ LUẬN CHÍNH TRỊ
HỆ KHÔNG TẬP TRUNG, NGÀNH BẢO HIỂM VÀ NGÂN HÀNG, KHÓA HỌC 2022 - 2024

Thi hết học phần A.I+II: Nội dung cơ bản của CN Mác - LêNin

Ngày thi: 08/01/2023; Thời gian: 180 phút

Phòng thi: số 02

Stt	Họ và tên		Năm sinh	Số tờ	Ký nộp bài	Số phách	Điểm số	Điểm chữ
01	Hoàng Thị Bảo	An	15/11/1989	02		19	7,0	Bảy
02	Đào Tú	Anh	10/9/1985	02		16	7,75	Bảy, bảy năm
03	Lê Lan	Anh	22/01/1980	02		35	7,0	Bảy
04	Nguyễn Thị Như	Anh	27/5/1985	02		4	7,25	Bảy, hai năm
05	Nguyễn Thị Quỳnh	Anh	12/08/1975	02		23	7,5	Bảy, năm
06	Trần Ngọc	Anh	21/07/1984	02		27	7,0	Bảy
07	Nguyễn Văn	Ban	07/01/1974	02		13	6,75	Sáu, bảy năm
08	Võ Đình	Bé	30/01/1978			21	7,0	Bảy
09	Nguyễn Thị Thu	Bình	28/8/1984	03		75	8,0	Tám
10	Huỳnh Ái Anh	Chi	31/05/1982	02		36	7,75	Bảy, bảy năm
11	Nguyễn Trung	Chinh	06/02/1972			48	8,0	Tám
12	Nguyễn Hữu Mạnh	Cường	20/10/1986	02		47	7,25	Bảy, hai năm
13	Vũ Cao	Cường	27/10/1981	02		58	7,5	Bảy, năm
14	Dương Tiến	Dũng	10/10/1987	02		59	7,25	Bảy, hai năm
15	Lê Văn	Dũng	02/7/1988	02		51	7,5	Bảy, năm
16	Hoàng Đình	Đạt	10/5/1985	02		12	6,75	Sáu, bảy năm
17	Ngô Việt	Đức	12/9/1985	02		57	7,0	Bảy
18	Hà Nam	Giang	20/6/1981	02		34	7,75	Bảy, bảy năm
19	Trương Thị Mỹ	Hà	13/9/1978	02		33	7,25	Bảy, hai năm
20	Nguyễn Thị Thu	Hà	09/4/1983	02		32	7,25	Bảy, hai năm

Stt	Họ và tên		Năm sinh	Số tờ	Ký nộp bài	Số phách	Điểm số	Điểm chữ
21	Nguyễn Thị	Hiền	20/11/1985	02		61	7,25	Bảy, hai năm
22	Trần Thị Diệu	Hiền	03/7/1977	02		44	7,25	Bảy, hai năm
23	Nguyễn Thị Thu	Hoa	05/7/1982	02		30	7,5	Bảy, năm
24	Phạm Thị Thúy	Hòa	14/7/1987	02		40	7,25	Bảy, hai năm
25	Phan Quốc	Huy	06/02/1979	02		14	6,75	Sáu, bảy năm
26	Lê Thị	Huyền	26/5/1977	02		64	7,0	Bảy
27	Nguyễn Thị Thanh	Huyền	30/10/1978	02		42	7,75	Bảy, bảy năm
28	Trần Thị Hạnh	Huyền	20/12/1988	02		41	7,25	Bảy, hai năm
29	Nguyễn Mạnh	Hùng	27/10/1987	02		20	7,0	Bảy
30	Nguyễn Đình Giáng	Hương	04/02/1978	02		7	7,75	Bảy, bảy năm
31	Lê Danh	Khởi	10/7/1968	02		26	7,0	Bảy
32	Bùi Minh	Kính	04/8/1976	02		29	7,25	Bảy, hai năm
33	Vũ Thị Hồng	Liên	11/9/1988	02		24	7,25	Bảy, hai năm
34	Lê Thị Khánh	Linh	01/01/1986	02		15	7,0	Bảy
35	Lê Thị Ngọc	Loan	30/5/1988	02		17	7,25	Bảy, hai năm
36	Phạm Thanh	Loan	14/4/1990	02		46	7,0	Bảy
37	Nguyễn Ngọc	Long	04/9/1980	02		3	6,75	Sáu, bảy năm
38	Huỳnh Sơn	Long	03/4/1982	02		50	6,75	Sáu, bảy năm
39	Nguyễn Xuân	Lợi	08/01/1970	01		73	8,0	Tám
40	Nguyễn Thị	Lựu	19/4/1978	02		43	7,0	Bảy
41	Lê Thị Khánh	Ly	01/4/1982	02		11	6,75	Sáu, bảy năm
42	Nguyễn Bá	Nam	23/10/1987	02		22	7,5	Bảy, năm
43	Nguyễn Thị Hằng	Nga	02/9/1985	02		25	7,5	Bảy, năm
44	Đặng Thị Huyền	Ngân	22/8/1988	02		31	7,5	Bảy, năm
45	Nguyễn Hoài	Nhi	03/11/1973	02		66	7,5	Bảy, năm
46	Nguyễn Thị	Nguyệt	04/12/1979	02		8	6,75	Sáu, bảy năm

Stt	Họ và tên		Năm sinh	Số tờ	Ký nộp bài	Số phách	Điểm số	Điểm chữ
47	Trần Thị Kim	Oanh	06/5/1979	02		45	8,0	Tám
48	Dương Thị Lan	Phương	01/10/1987	02		60	7,25	Bảy, hai năm
49	Nguyễn Thị Nam	Phương	10/4/1983	02		49	8,0	Tám
50	Nguyễn Thị Kim	Phượng	02/02/1987	02		54	7,25	Bảy, hai năm
51	Mai Văn	Phúc	05/5/1979	02		56	7,5	Bảy, năm
52	Phạm Văn	Phúc	23/01/1973	02		37	7,25	Bảy, hai năm
53	Nguyễn Thị	Quý	20/02/1990	02		52	6,75	Sáu, bảy năm
54	Lê Võ	Tấn	07/3/1985	02		65	6,75	Sáu, bảy năm
55	Phan Văn	Thành	25/7/1988	02		18	8,0	Tám
56	Nguyễn Vũ Minh	Thuận	15/01/1981	02		38	7,25	Bảy, hai năm
57	Phạm Thị Thu	Thảo	11/12/1984	02		5	7,5	Bảy, năm
58	Đặng Thị	Thêu	15/10/1981	02		28	7,25	Bảy, hai năm
59	Lê Thị	Thùy	24/8/1985	02		55	7,25	Bảy, hai năm
60	Nguyễn Thị	Thúy	24/02/1987	02		68	7,0	Bảy
61	Đinh Thị	Thủy	08/5/1983	02		69	7,75	Bảy, bảy năm
62	Đoàn Thị Phương	Thủy	03/12/1985	01		71	7,5	Bảy, năm
63	Nguyễn Thị	Thủy	12/12/1985	02		62	7,25	Bảy, hai năm
64	Xà Thị Bích	Thuỷ	02/6/1982	02		63	8,25	Tám, hai năm
65	Nguyễn Thị Huyền	Thương	16/6/1989	02		53	7,5	Bảy, năm
66	Hoàng Vĩnh	Toàn	04/8/1988	02		6	7,5	Bảy, năm
67	Cao Hương	Trà	26/01/1987	01		74	6,25	Sáu, hai năm
68	Đặng Thị Ngọc	Trâm	10/8/1983	01		72	6,5	Sáu, năm
69	Phan Thanh	Trực	10/09/1976	02		10	7,0	Bảy
70	Thiều Quang	Tuấn	13/10/1983			2	6,75	Sáu, bảy năm
71	Nguyễn Thị Mộng	Thúy	06/10/1985	02		1	7,75	Bảy, bảy năm
72	Nguyễn Cảnh	Tín	04/3/1985	02		67	7,5	Bảy, năm

Stt	Họ và tên		Năm sinh	Số tờ	Ký nộp bài	Số phách	Điểm số	Điểm chữ
73	Nguyễn Xuân	Tùng	02/3/1983	02		9	7,25	Bảy phẩy hai năm
74	Phạm Thị	Tuyết	16/5/1984	02		09	8,0	Tám
75	Đậu Phan Hoàng	Yến	26/11/1982	03		76	8,0	Tám

Tổng số học viên theo danh sách: 75 học viên

Số học viên đủ điều kiện: 75 học viên

Số học viên không đủ điều kiện: 0 học viên

Số học viên vắng có lý do: / học viên; không có lý do: / học viên

Tổng số bài thi: 75 bài/ 118 tờ

GIÁM THỊ I

Lê Duyên Hà

Ngày 03 tháng 02 năm 2023

GIÁM THỊ II

Phan Thị Thùy Liên

Ngày 03 tháng 02 năm 2023

NGƯỜI KIỂM TRA VÀO PHÁCH VÀ ĐIỂM

Nguyễn Văn Sương

NGƯỜI VÀO ĐIỂM

Đoàn Thị Mai

TRƯỞNG KHOA

Trần Đức

TRƯỞNG PHÒNG QLĐT & NCKH

TS. Lê Duyên Hà

BAN GIÁM HIỆU

ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM
TRƯỜNG CHÍNH TRỊ
TỈNH ỦY ĐẮK LẮK

Nguyễn Thành Dũng